

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /3/2024  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn hơi/h (sử dụng thường xuyên) (KT1).
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn hơi/h (sử dụng dự phòng) (KT2).
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình và in hoa văn trên vải (KT3).
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất ống nhựa PVC (KT4).

**2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải**

**2.1. Dòng khí thải**

TT	Vị trí hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải	Ký hiệu	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)
1	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ	KT1	22.000
2	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 5 tấn/giờ	KT2	11.000
3	Hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình và in hoa văn trên vải	KT3	50.000
4	Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất ống nhựa PVC	KT4	10.000

**2.2. Phương thức xả khí thải**

Xả cưỡng bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$  (Áp dụng hệ số  $K_p = 1$ ;  $K_v = 0,8$  đối với KT1, KT2) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ (Đối với KT3 và KT4), cụ thể như sau:

- Đối với bụi, khí thải từ lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ (KT1) và lò hơi công suất 05 tấn hơi/giờ (KT2)

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	
			Giá trị C	Giá trị C <sub>max</sub>
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	160
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	400
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	680
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	800

- Đối với bụi, khí thải từ xưởng định hình và in hoa văn trên vải (KT3)

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	05
3	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750
4	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870
5	Anilin	mg/Nm <sup>3</sup>	19

- Đối với khí thải từ khu vực sản xuất ống nhựa PVC (KT4)

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	05
3	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750
5	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870

#### 2.4. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2259181; Y(m) = 618808.
- Nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2259181,5; Y(m) = 618808,5.
- Nguồn số 03: Tọa độ X(m) = 2259179; Y(m) = 618806.
- Nguồn số 04: Tọa độ X(m) = 2259180; Y(m) = 618807.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>)

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01 và nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 lò hơi được thu gom bằng đường ống, quạt hút về hệ thống để xử lý.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ xưởng định hình và in hoa văn trên vải được thu gom bằng chụp hút, quạt hút và đường ống về hệ thống để xử lý.

- Nguồn số 04: khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất ống nhựa PVC được thu gom bằng chụp hút, quạt hút và đường ống về hệ thống để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn/giờ (02 hệ thống xử lý khí thải có quy trình giống nhau và sử dụng chung 01 bể chứa nước chứa dung dịch nước vôi trong).

+ Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Bụi, khí thải → Tháp xử lý khí thải ướt bằng ống Venturi (sử dụng nước vôi trong) → Khoang lắng → Quạt hút → Ống phóng không cao 12 m so với mặt sàn nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: 100 kg vôi bột (CaO)/năm.

- Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình và in hoa văn trên vải

Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Bụi, khí thải → Chụp hút → Máy lọc khói dầu tĩnh điện tự động → Tháp phun → Tháp tĩnh điện cao áp → Quạt hút → Ống phóng không cao 20 m so với mặt sàn nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT).

- Đối với hệ thống xử lý khí thải khu vực sản xuất ống nhựa PVC

Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Thiết bị hấp thụ → Ống phóng không cao 10 m so với mặt sàn nhà xưởng (Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT).

## 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án dừng sản xuất tại khu vực đó và tiến hành sửa chữa sau khi sửa xong mới tiếp tục sản xuất.

- Kiểm định lò hơi định kỳ theo quy định của pháp luật.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/11/2024).

## 2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn hơi/giờ.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình và in hoa văn trên vải.
- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất ống nhựa PVC.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Như nêu tại mục 2.1 phần A Phụ lục này.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3 phần A Phụ lục này.

## 2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần tại 04 lỗ kỹ thuật trên thân 04 ống phóng không của 04 hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi công suất 10 tấn/giờ, lò hơi công suất 05 tấn/giờ, bụi, khí thải xưởng định hình, khí thải khu vực sản xuất ống nhựa PVC. (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường .

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường. Không được phép xả khí thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành đầy đủ các thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải, thông số không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3 phần A Phụ lục này, Chủ dự án phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải, thực hiện các biện pháp khắc phục và kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp để xử lý./.